

Hướng dẫn tuyển sinh

Khóa học	Thời hạn nộp hồ sơ	Thời gian nhập học	Thời gian tốt nghiệp	Số học viên	Đối tượng
Khóa học 1 năm	Giữa tháng 7 đến giữa tháng 8	Tháng 4	Tháng 3	20 người	Du học sinh
Khóa học 1 năm 6 tháng	Giữa tháng 3 đến giữa tháng 4	Tháng 10		70 người	
Khóa học 2 năm	Giữa tháng 7 đến giữa tháng 8	Tháng 4		60 người	

Điều kiện nộp đơn

Phải đáp ứng tất cả các điều kiện từ ①~③ như bên dưới

Điều kiện nộp đơn①

Ý muốn học tập, mục tiêu, năng lực của ứng viên

- 1) Người có mục đích rõ ràng đối với việc học tập tại Nhật Bản và có mục tiêu rõ ràng trong tương lai
- 2) Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (sau đây gọi là JLPT), kỳ thi kiểm tra tiếng Nhật thực dụng, J.TEST, kỳ thi tiếng Nhật NAT-TEST, hoặc giáo viên trường lớp có trình độ tiếng Nhật tương ứng.

	JLPT	J.TEST	NAT-TEST
Khóa học 1 năm	N3	D	3
Khóa học 1 năm 6 tháng	N4/5	E	4
Khóa học 2 năm	N5	F	5

- 3) Người có thể tuân thủ luật pháp của Nhật Bản và các quy định của trường Nhật ngữ SBC Himeji
- 4) Người đã vượt qua kỳ thi tuyển sinh của trường Nhật ngữ SBC Himeji
- 5) Người khỏe mạnh cả về tinh thần và thể chất

Điều kiện nộp đơn②

Lý lịch của ứng viên

- 1) Người đã tốt nghiệp lớp 12 hệ chính quy hoặc bổ túc, hoặc những người dự kiến sẽ hoàn thành khóa học
- 2) Người được phép nhập cảnh vào Nhật Bản bằng thủ tục hợp pháp hoặc dự kiến sẽ được cho phép nhập cảnh
- 3) Người đã tốt nghiệp trường cuối cùng tính đến hiện tại không quá 5 năm

Điều kiện nộp đơn③

Khả năng tài chính

- 1) Có thể chi trả được học phí và chi phí sinh hoạt tại Nhật Bản

Trình tự từ khi nộp hồ sơ cho đến khi nhập học

- Liên hệ bằng email hoặc điện thoại
- Nộp đơn xin nhập học, giấy chứng nhận tốt nghiệp trường cuối cùng, bảng điểm
- Xét duyệt hồ sơ
- Phòng vấn • Kiểm tra viết
- Thông báo kết quả đậu, rút của kỳ thi nhập học
- Làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú
- Được cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú
- Nộp học phí
- Gửi thư nhập học và giấy chứng nhận tư cách lưu trú
- Đăng ký xin visa
- Đến Nhật và nhập học

Người thiết lập

Yamaguchi Hiroyuki

Hiệu trưởng

Maeda Kazunori

Số lượng học viên

150 người

Ngày thành lập

1/12/2017

Khai giảng

1/10/2019

Nơi liên hệ và nộp hồ sơ

〒670-0952 兵庫県姫路市南条425番地

SBC姫路日本語学院 事務局

425 Nanjo, Himeji, Hyogo, Japan.

670-0952

SBC Himeji Japanese Language Academy Secretariat



hjala@jl-acad.com



+81-79-240-6474



+81-79-240-6574



hjala-acad

Thời gian làm việc : 9:00 ~ 17 : 30 (Giờ Nhật Bản)

GIỚI THIỆU KHÓA HỌC

Thời gian học và mục tiêu								
Cấp độ	Sơ cấp	Sơ trung cấp	Trung cấp		Cao cấp			
	1	2	3	4	5	6	7	8
JLPT	N5	N4	N3		N2		N1	
Thời gian học	200	200	200	200	200	200	200	200
Thời gian học (tháng)	0~3	4~6	7~9	10~12	13~15	16~18	19~21	22~24
Kỳ học	1 năm (800 tiết)							
	1 năm 6 tháng (1200 tiết)							
	2 năm (1600 tiết)							
Chương trình học								
Cấp độ	Tiêu chuẩn chữ Hán	Tiêu chuẩn từ vựng	Mục tiêu đạt được					
Sơ cấp	150 chữ	1000 từ	Hiểu và diễn đạt được những hội thoại hằng ngày đơn giản. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N5.					
Sơ trung cấp	450 chữ	1800 từ	Có thể đọc và viết các câu đơn giản, có năng lực hội thoại cần thiết cho cuộc sống hằng ngày. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N4.					
Trung cấp	1100 chữ	5000 từ	Có thể đối ứng và giao tiếp được về các vấn đề thông thường. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N3.					
Cao cấp	2000 chữ	10000 từ	Hướng đến mục tiêu hiểu rõ tiếng Nhật cho mọi vấn đề tổng hợp trong cuộc sống xã hội thường ngày. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ N2-N1.					
Thời khóa biểu								
Các tiết học được tiến hành trong 2 buổi, sáng và chiều.								
	Tiết thứ 1	Tiết thứ 2	Tiết thứ 3	Tiết thứ 4				
Buổi sáng	9:00~9:45	9:45~10:30	10:45~11:30	11:30~12:15				
Buổi chiều	13:00~13:45	13:45~14:30	14:45~15:30	15:30~16:15				
Từ 8:30 đến 17:30 khi trường mở cửa, học sinh có thể tự học ở thư viện và các phòng học trống.								
Các loại học bổng của trường								
①Giải nhất	Giảm 50% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo		⑦Đạt 300 điểm trong kì thi Du học sinh	Trao 20,000 Yên				
②Giải nhì	Giảm 30% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo		⑧Đạt 240 điểm trong kì thi Du học sinh	Trao 10,000 Yên				
③Giải ba	Giảm 20% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo		⑨Đỗ vào đại học Quốc lập	Trao thưởng 10 vạn yên				
④Đạt được cấp độ N1 kì thi Năng lực tiếng Nhật	Trao 20,000 Yên		⑩Chỉ sinh viên đại học năm 4	Trao thưởng 5 vạn yên				
⑤Đạt được cấp độ N2 kì thi Năng lực tiếng Nhật	Trao 10,000 Yên		⑪Đi học đầy đủ 100% (6 tháng tỉ lệ đi học 100%)	Trao 5,000 Yên				
⑥Đạt được cấp độ N3 kì thi Năng lực tiếng Nhật	Trao 5,000 Yên		⑫Đi học chuyên cần (6 tháng tỉ lệ đi học 99% trở lên)	Trao 2,000 Yên				
Thời gian và phương thức khen thưởng học bổng của trường								
(1) ①~③ : 3 học viên được đánh giá xuất sắc nhất về học tập và thái độ có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 98% trở lên trong thời gian học tập tại trường sẽ được khen thưởng khi tốt nghiệp. (2) ④~⑧ : Học viên có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 95% trở lên trong thời gian học tập tại trường sẽ được khen thưởng khi tốt nghiệp. (3) ⑨~⑩ : Khen thưởng chỉ được nhận 1 lần khi tốt nghiệp, đối với học viên có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 95% trở lên trong thời gian học tập tại trường, tỉ lệ chuyên cần tham gia học kỳ cuối là 100%. (4) ⑪~⑫ : Khen thưởng sẽ được trao vào cuối học kỳ.								

Về các khoản thanh toán của học sinh

Lệ phí thi tuyển sinh và các khoản thanh toán (Học phí) (Đơn vị: Yên)			
	Khóa học 1 năm	Khóa học 1 năm 6 tháng	Khóa học 2 năm
Phí xét hồ sơ	30,000	30,000	30,000
Phí nhập học	50,000	50,000	50,000
Học phí	600,000	900,000	1,200,000
Các khoản phí khác	70,000	110,000	140,000
Tiền ký gửi	13,500	24,000	34,500
Tổng cộng	763,500	1,114,000	1,454,500
Thanh toán năm đầu	763,500	774,000	784,500
Thanh toán năm tiếp theo	763,500	340,000	670,000
Thời hạn thanh toán			
<p>1. Thanh toán phí xét hồ sơ khi nộp hồ sơ xin nhập học. Vui lòng nộp khoản thanh toán năm đầu tiên trong vòng 2 tuần sau khi trường thông báo kết quả tư cách lưu trú. Nếu học viên muốn chuyển vào ký túc xá, vui lòng thanh toán tiền ở ký túc xá nửa năm, chi phí ban đầu và tiền đặt cọc ký túc xá. Về nguyên tắc, tiền thuê nhà trả nửa năm một lần. Sau khi xác nhận thanh toán, trường sẽ gửi thư nhập học và giấy xác nhận tư cách lưu trú.</p> <p>2. Khoản thanh toán cho năm tiếp theo</p> <p>Học sinh của khóa học 1 năm 6 tháng sẽ nộp tiền vào giữa tháng 9 của năm tiếp theo, còn học sinh khóa học 2 năm sẽ nộp tiền vào giữa tháng 3 của năm tiếp theo. Nếu có khó khăn trong việc thanh toán tiền học thì cần phải báo ngay với trường. Trong trường hợp có sự việc đặc biệt, trường có thể cho phép gia hạn thời gian thanh toán, nhưng nếu quá kỳ hạn được cho phép mà vẫn chưa nộp thì sẽ bị cho thôi học.</p>			

< Các khoản phí khác >
 Phí cơ sở • Phí trang thiết bị • Phí tài liệu giảng dạy
 Phí hoạt động ngoại khóa • Phí bảo hiểm
 (Bảo hiểm du học sinh • Phí kiểm tra sức khỏe)
 < Tiền ký gửi >
 Phí xin visa • Lệ phí thi JLPT • Phí đón sân bay • Phí giày dép
 < Chú ý >
 • Nhất định phải dự thi các kỳ thi năng lực nhật ngữ JLPT.
 • Trong trường hợp lệ phí thi JLPT và lệ phí xin visa được sửa đổi, chúng tôi sẽ thu theo lệ phí thực tế.
 • Vui lòng thanh toán số tiền được chỉ định trong thời hạn quy định.
 Đối với những học sinh không thể nộp tiền đúng hạn, thì việc nhập học, thi lên cấp và tốt nghiệp có thể không được chấp nhận.
 Ngoài ra, trường hợp không thể nộp tiền sau khi nhập học có thể sẽ bị cho thôi học.
 • Bảo hiểm du học sinh có mức giá cố định bất kể thời hạn bảo hiểm.

TÀI KHOẢN NỘP TIỀN

Tên ngân hàng	伊予銀行 (Ngân hàng IYO)	Tên chi nhánh	姫路支店 (Chi nhánh Himeji)
BANK NAME	THE IYO BANK,LTD.	BRANCH NAME	HIMEJI BRANCH
Mã code	IYOBJPJT	Số tài khoản	1181000
SWIFT CODE		ACCOUNT NUMBER	
Ngân hàng code	0174	Loại tài khoản	Tài khoản thông thường
BANK CODE		TYPE OF ACCOUNT	ORDINARY ACCOUNT
Số chi nhánh	701	Tên chủ tài khoản	Công ty cổ phần SBC
BRANCH NUMBER		ACCOUNT NAME	SBC CO.,LTD
Địa chỉ và số điện thoại của chủ tài khoản ACCOUNT HOLDER ADDRESS, PHONE No.	ZIP CODE : 670-0940	Địa chỉ và số điện thoại của ngân hàng BRANCH ADDRESS, PHONE No.	ZIP CODE : 670-0917
	65 NISHINOMACHI SANZAEMONBORI HIMEJI HYOGO JAPAN PHONE : 079-240-6474		190 SHINOBUMACHI HIMEJI HYOGO JAPAN PHONE : 079-288-7575

« Hoàn tiền thanh toán » Về nguyên tắc, thanh toán sẽ không được hoàn trả trừ các trường hợp sau.

1. Trong trường hợp đơn xin thị thực (visa) không được chấp thuận tại cơ sở ngoại giao nước ngoài (từ chối cấp phát)

Trường hợp bị gửi trả " Thư nhập học " và các giấy tờ chứng minh việc xin thị thực nhập cư không được chấp nhận thì ngoại trừ các khoản như: Phí xét hồ sơ (30,000 yên), phí nhập học (50,000 yên), phí hành chính (30,000 yên) và phí chuyển tiền thì các khoản phí khác sẽ được hoàn trả lại.

2. Trường hợp trước khi bắt đầu học kỳ mà bỏ học vì lý do cá nhân:

Sau khi xác nhận được hồ sơ chứng minh việc từ bỏ nhập học, trường hợp có trả lại " Giấy nhập học " " Giấy xác nhận tư cách lưu trú " thì ngoại trừ các khoản như: Phí xét hồ sơ (30,000 yên), phí nhập học (50,000 yên), phí hành chính (30,000 yên) và phí chuyển tiền thì các khoản phí khác sẽ được hoàn trả lại.







3. Trường hợp tiền ký gửi vẫn còn dư thì sẽ được hoàn trả trong vòng 60 ngày sau khi tốt nghiệp hoặc sau khi thôi học.

4. Trường hợp không hoàn lại

Với những trường hợp sau, chúng tôi sẽ không hoàn trả lại dù là với bất kỳ lý do nào, ngay cả khi đã nộp đơn xin thôi học.

- 1) Vi phạm luật pháp Nhật Bản và quy định của trường
- 2) Chuyển trường đến 1 trường học tiếng Nhật khác
- 3) Kết hôn, mang thai

KÝ TÚC XÁ

Địa điểm	Ký túc xá sẽ được chuẩn bị ở những khu vực gần trường.			
Trang thiết bị	Nhà bếp, nhà vệ sinh, phòng tắm, máy điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, nồi cơm điện, lò vi sóng, WIFI v.v...			     
Vật dụng	Rèm cửa, bộ chăn đệm, bình nước nóng.			
Quy định	<p>Không thể rời ký túc xá trong một năm sau khi chuyển đến. Nếu rời khỏi ký túc xá trong vòng 1 năm, học viên sẽ phải trả 1 năm tiền ký túc xá được tính từ khi chuyển đến, tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 6 tháng tiền ký túc xá và chi phí hành chính. Việc ở ký túc xá của trường hay không là tự do lựa chọn của các bạn. Các bạn không được phép lựa chọn bạn ở cùng phòng với mình. Ký túc xá được ký hợp đồng 6 tháng một lần. Nếu chuyển ra khỏi ký túc xá thì phải báo trước từ 2 tháng trở lên. Chi phí tiện ích (điện, nước, ga) các bạn phải tự chịu theo thực phí. Ký túc xá không phục vụ bữa ăn. Vui lòng tuân thủ các nội quy quy định của ký túc xá, nếu không tuân thủ sẽ bị yêu cầu rời khỏi ký túc xá.</p>			
Tiền nhà				
	Trường hợp ở 4 người	Trường hợp ở 3 người	Trường hợp ở 2 người	Trường hợp ở 1 người
Chi phí ban đầu	50,000Yên			
Tiền bảo hộ nhà	30,000Yên			
Tiền ký túc xá 6 tháng (ví dụ)	90,000Yên	120,000Yên	180,000Yên	240,000Yên
Tổng cộng	170,000Yên	200,000Yên	260,000Yên	320,000Yên
<p>※ Chi phí ban đầu bao gồm tiền trang thiết bị, bảo hiểm hỏa hoạn, hoa hồng môi giới, tiền lễ. Tiền này theo nguyên tắc là không hoàn trả.</p> <p>※ Tiền bảo hộ nhà là bao gồm các chi phí vệ sinh và sửa chữa cần thiết sau khi rời đi. Nếu có trường hợp học sinh sau khi rời khỏi ký túc xá chưa thanh toán tiền điện nước ga, gây thiệt hại có chủ ý, hoặc bỏ lại đồ cá nhân không dọn dẹp thì trường sẽ sử dụng tiền bảo hộ nhà để giải quyết chi phí sửa chữa và xử lý.</p>				

VẤN ĐỀ KHÁC

Chăm sóc sức khỏe

- ① Bảo hiểm y tế quốc dân Bắt buộc phải tham gia nếu bạn ở Nhật Bản hơn 3 tháng (khoảng trên dưới 1.700 yên mỗi tháng)
- ② Kiểm tra sức khỏe tại trường Sẽ được thực hiện trong vòng một tháng sau khi nhập học và sẽ được kiểm tra định kỳ mỗi năm
- ③ Bảo hiểm du học sinh Phòng trường hợp ngoài ý muốn, trường sẽ đăng ký bảo hiểm này cho các bạn.
 ※ Để có thể tham gia Bảo hiểm du học sinh thì việc tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân là điều kiện bắt buộc.
- ④ Tư vấn tâm lý trong trường Mỗi tháng 1 lần, sẽ có y tá tư vấn cho những bạn có nguyện vọng.

Cuộc sống học sinh

Trang thiết bị : Được phép sử dụng phòng thư viện, phòng tự học, phòng y tế và Wi-Fi miễn phí.

Sự kiện : Trường có kế hoạch tổ chức các buổi học ngoại khóa, các sự kiện theo mùa, giao lưu quốc tế.

Tư vấn : Hỗ trợ tư vấn mọi lúc về học lên tiếp cấp cao, sinh hoạt cuộc sống, việc làm thêm v.v...

Công việc bán thời gian : Sau khi nhận được "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách" từ Cục quản lý xuất nhập cảnh thì sẽ được phép đi làm thêm 28 tiếng/ 1 tuần (được làm 8 tiếng/ 1 ngày trong kỳ nghỉ lễ dài) trong phạm vi những loại hình công việc được cho phép. Tuy nhiên, trường không khuyến khích việc đi làm thêm trong 1 tháng đầu sau khi nhập học vì đó là thời gian cần thiết để các bạn thích ứng với môi trường mới. Ngoài ra, trường cũng không khuyến khích việc làm thêm vào ca đêm muộn vì sẽ ảnh hưởng đến sự an toàn của các bạn. Việc làm thêm phải dựa trên tinh thần tuân thủ pháp luật và sắp xếp có hệ thống để không làm ảnh hưởng đến việc học tập tại trường.

Tiền làm thêm của 1 tháng (ví dụ)		Thời gian bình thường	103,936Yên	Thời gian nghỉ lễ dài	126,208Yên
Tiền phí sinh hoạt 1 tháng (ví dụ)	Tiền nhà	30,000Yên	75,000Yên	30,000Yên	83,000Yên
	Tiền ăn	25,000Yên		25,000Yên	
	Tiền điện nước ga	5,000Yên		8,000Yên	
	Chi phí khác	15,000Yên		20,000Yên	
Cán cân thanh toán			28,936Yên		43,208Yên